

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2025

*V/v ly hôn, nuôi con, chia tài sản
chung sau khi ly hôn và đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thia.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Oanh Kiều.

Bà Phước Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn và đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Huỳnh M, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trương Thị Huỳnh M: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp XT, xã TC, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1951 (Có mặt);

2. Anh Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Chị Trần Thị Mỹ Th, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp TS, xã LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/9/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh M trình bày.

Chị và anh Trần Văn Ph quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên chị và anh Ph tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 01/3/2007. Sau khi kết hôn chị sống bên chồng, giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Thuý D, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014 do chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung gồm: Thửa đất số 578, diện tích 74m², trên đất có một căn nhà cấp 4 do chị đang quản lý, sử dụng và thửa đất số 1731, diện tích 126m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do anh Ph đang quản lý, sử dụng, nhà đất tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long. Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, là do vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Ph không quan tâm vợ con, lén lút dấu chị tự ý kê khai tài sản đứng tên quyền sử dụng đất trong khi đó là tài sản chung của vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, anh Ph muốn làm gì thì làm không thông qua chị nên chị xét thấy sống chung với anh Ph không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị quyết định sống ly thân với anh Ph mặc dù chị và anh Ph vẫn còn ở chung nhưng mạnh ai nấy sống. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Ph nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Ph.

Về con chung: Tại phiên tòa chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia đôi, chị yêu cầu hưởng nhà, đất tại thửa đất số 578. Đồng ý giao anh Ph hưởng nhà đất tại thửa đất số 1731. Tính giá trị nhà, đất ai hưởng nhiều hơn yêu cầu thanh toán cho bên hưởng ít hơn.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ chị có ý kiến như sau. Chị xác định thửa đất số 1731 là của 02 vợ chồng tạo lập được nên không đồng ý theo yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền về phần tài sản chung của nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh M là anh Bùi Văn T trình bày: Chị M và anh Ph có tài sản chung gồm: Thửa đất số 578, diện tích 74m², trên đất có một căn nhà cấp 4 và thửa đất số 1731, diện tích 126m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4, nhà đất tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long. Nay chị M yêu cầu chia đôi, yêu cầu hưởng nhà, đất tại thửa đất số 578. Đồng ý giao anh Ph hưởng nhà đất tại thửa đất số 1731. Tính giá trị nhà đất ai hưởng nhiều hơn yêu cầu thanh toán cho bên hưởng ít hơn. Chị

M thống nhất với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá nên không có ý kiến gì.

Bị đơn anh Trần Văn Ph trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian chung sống, nợ chung, con chung và có đăng ký kết hôn. Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị M trình bày có tài sản gồm: Thửa đất số 578, diện tích 74m², trên đất có một căn nhà cấp 4 do chị M đang quản lý, sử dụng và thửa đất số 1731, diện tích 126m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do anh đang quản lý, sử dụng, nhà đất tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long anh có ý kiến như sau: Anh thống nhất tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 578, diện tích 74m², trên đất có 01 căn nhà cấp 04, khi vợ chồng sống ly thân thì chị M quản lý, sử dụng và tài sản là 01 căn nhà cấp 04 trên thửa đất số 1731. Đối với thửa đất số 1731 là của cha anh tên Trần Văn Đ nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị Se (đã chết) vào năm 2013, sau khi nhận chuyển nhượng cha anh tặng cho anh nên không làm thủ tục từ bà Se qua cha anh mà làm thủ tục từ bà Se qua anh. Sau khi được tặng cho đất năm 2021 anh với chị M xây dựng nhà ở như hiện trạng Tòa án đã thẩm định. Anh xác định thửa đất số 1731 cha anh đã tặng cho riêng anh nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị M. Nay anh đồng ý trả lại cho ông Đường thửa đất này. Đối với tài sản còn lại anh đồng ý chia đôi theo giá trị Hội đồng định giá đã định. Về hôn nhân: Anh xác định vợ chồng không sống chung được nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Về con chung: Tại phiên tòa anh đồng ý giao cho chị M được nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày: Vào năm 2013, ông có nhận chuyển nhượng thửa đất số 1731, diện tích 126m², đất tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long của bà Thạch Thị Se (đã chết). Sau khi chuyển nhượng thì ông yêu cầu bà Se làm thủ tục sang tên con là anh Ph. Mục đích ông sang tên cho Ph là để tặng cho riêng của anh Ph, vì trước đây anh Ph, chị M ở chung với ông. Đến năm 2021 vợ chồng anh Ph, chị M xây dựng nhà ở, ông vẫn thống nhất để anh Ph, chị M xây dựng. Nay chị M yêu cầu ly hôn và yêu cầu chia thửa đất này thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu chị M, anh Ph trả lại thửa đất này cho ông.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Ph và chị Trần Thị Mỹ Th trình bày: Anh, chị có thuê một phần thửa đất số 578, trên đất có một phần căn nhà của chị M, anh Ph, thời gian thuê cách nay khoảng 3 năm, thuê không giấy tờ gì, trả tiền thuê hàng tháng, mục đích để bán quần áo và làm tóc. Nay chị M, anh Ph ly hôn có tranh chấp tài sản liên quan đến anh, chị thuê thì anh chị không có tranh chấp gì. Trường hợp sau này Tòa án giải quyết phân chia cho ai thì anh, chị sẽ thoả thuận với người được giao tài sản thuê lại.

Cháu Trần Thị Thuý D, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014 là con chung của chị M, anh Ph có ý kiến: Các cháu là con của chị M, anh Ph nay cha, mẹ ly hôn con có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Trần Văn Ph vẫn giữ nguyên ý kiến. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy năm 2006 chị M và anh Ph tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn được UBND xã Long Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 01/3/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng, có 02 con chung tên Trần Thị Thúy Duy, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tạo lập được tài sản chung gồm 02 thửa đất số 578, diện tích 74m² và thửa 1731, diện tích 126m², cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Ph lén chị tự ý kê khai đứng tên QSDĐ nên vợ chồng sống ly thân với nhau. Trong quá trình tố tụng anh Ph có ý kiến đồng ý ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn vì vậy chị M yêu cầu ly hôn với anh Ph là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, xét thấy cháu Trần Thị Thúy Duy, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014 hai cháu trên 07 tuổi hiện đang sống chung với chị M và có nguyện vọng sống chung với chị là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng. Do chị M không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Thửa đất số 1731, diện tích 126m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc của bà Thạch Thị Se chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ với giá 75 chỉ vàng 24K. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng thì ông Đường là cha ruột của anh Ph thống nhất cho anh Ph đứng tên đại diện hộ gia đình của anh Ph nên được cấp giấy CNQSD đất cho anh Trần Văn Ph đứng tên đại diện hộ gia đình. Năm 2021 vợ chồng anh Ph, chị M đã xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 1731, ông Đường không ý kiến, không phản đối. Vì vậy cần xác định nhà và đất của thửa đất số 1731 là tài sản chung của vợ chồng anh Ph, chị M theo tinh thần Án lệ số 03. Do nhà và đất

thửa đất số 578 và thửa đất số 1731 là tài sản chung của vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên chị M yêu cầu nhận hiện vật thửa đất số 578, diện tích 74m² đã xây dựng căn nhà cấp 4 và chia cho anh Ph thửa đất 1731, diện tích 126m² đã xây dựng căn nhà cấp 4 và chị M sẽ nhận giá trị chênh lệch số tài sản phân chia là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ cho rằng phần đất thửa đất số 1731, diện tích 126m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long là của ông nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị Se với giá 75 chỉ vàng 24 kara, khi làm hợp đồng chuyển nhượng ông đã đồng ý để cho anh Trần Văn Ph đứng tên đại diện hộ gia đình anh Ph trong giấy CNQSD đất, nay vợ chồng anh Ph và chị M ly hôn thì ông yêu cầu anh Ph, chị M trả lại thửa đất số 1731, diện tích 126m² là không có căn cứ chấp nhận, bởi phần tài sản này ông đã cho anh Ph, chị M và khi anh Ph, chị M xây dựng nhà ở cấp 4 năm 2021 thì ông cũng không có ngăn cản hay tranh chấp gì. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26, 29, 33, 38, 40, 51, 53, 56, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Án lệ số 03, Điều 27, Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh M được ly hôn với anh Trần Văn Ph.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thúy Duy, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của hai cháu muốn sống chung với mẹ).

Về cấp dưỡng do chị M không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Giao thửa đất số 578, tờ bản đồ số 5 diện tích 74m² tọa lạc tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long cho chị Trương Thị Huỳnh M quản lý, sử dụng. Giao thửa đất số 1731, tờ bản đồ số 5 diện tích 126m² tọa lạc tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long cho anh Trần Văn Ph quản lý sử dụng. Anh Ph có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho chị M theo giá Hội đồng đã định giá.

Về nợ chung: Do anh Ph, chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ yêu cầu anh Ph, chị M trả lại thửa đất số 1731, tờ bản đồ số 5 diện tích 126m², tọa lạc tại ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ yêu cầu độc lập. Bị đơn anh Trần Văn Ph, địa chỉ ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long). Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn và đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Ph, chị Trần Thị Mỹ Th vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân, chị Trương Thị Huỳnh M với anh Trần Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay xã Long Hiệp, tỉnh Vĩnh Long). Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph do Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp cấp và chị Trương Thị Huỳnh M giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph xét thấy: Chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến ai, độc lập kinh tế. Anh Trần Văn Ph đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thuý D, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014 chị Trương Thị Huỳnh M đang sống với chị M. Xét việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của con chung. Để tạo phát triển ổn định của con chung, xét thấy chị M có công việc, thu nhập và chỗ ở đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Hiện nay chị M là người đang trực tiếp nuôi con chung, các con đều có nguyện vọng sống với chị M, anh Ph không có yêu cầu phản đối nên việc giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Thửa đất số 578, diện tích 74m², tờ bản đồ số 5 và 01 căn nhà cấp 04 trên đất, nhà, đất tại ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận QSD đất số BH 432459 ngày 28/02/2012 cho anh Trần Văn Ph

và chị Trương Thị Huỳnh M. Sau khi ly thân chị Trương Thị Huỳnh M và các con cùng ở. Chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph đều xác định tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung. Chị Trương Thị Huỳnh M đang quản lý, sử dụng và yêu cầu được hưởng hiện vật, đồng ý thanh toán giá trị cho anh Trần Văn Ph. Anh Trần Văn Ph ý kiến thống nhất chia đôi. Xét thấy sau khi chị M, anh Ph sống ly thân chị Trương Thị Huỳnh M cùng các con là cháu Trần Thị Thuý D và Trần Thị Như Ng đang ở nên giao cho chị Trương Thị Huỳnh M được quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên thửa đất này. Chị Trương Thị Huỳnh M phải thanh toán giá trị chênh lệch diện tích đất là $1.200.000 \text{ đồng/m}^2 \times 74\text{m}^2 : 2 = 44.400.000 \text{ đồng}$. Chị Trương Thị Huỳnh M phải thanh toán giá trị chênh lệch căn nhà xây trên diện tích đất là $390.690.808 \text{ đồng} : 2 = 195.345.404 \text{ đồng}$. Đối với thửa đất số 1731, diện tích 126m^2 , tờ bản đồ số 5 và 01 căn nhà cấp 04 trên đất, nhà đất tại ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 157466 ngày 22/10/2013 cho hộ anh Trần Văn Ph. Sau khi ly thân anh Trần Văn Ph quản lý, sử dụng. Chị Trương Thị Huỳnh M cho rằng nhà và đất là tài sản do vợ chồng tạo lập. Anh Trần Văn Ph cho rằng nhà trên thửa đất do vợ chồng tạo lập, còn thửa đất là của cha ruột là ông Trần Văn Đ nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị Se, sau đó tặng cho riêng anh Trần Văn Ph nên không đồng ý chia thửa đất này, ý kiến trả lại thửa đất này cho ông Trần Văn Đ. Xét thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất anh Trần Văn Ph nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Thạch Thị Se và chị Huỳnh Thị Thanh Kiều theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Long Hiệp chứng thực vào ngày 08 tháng 10 năm 2013. Đến năm 2021 anh Trần Văn Ph và chị Trương Thị Huỳnh M xây dựng nhà cấp 04 để ở, đầu năm 2025 thì chị M và anh Ph mâu thuẫn, anh Ph quản lý, sử dụng thửa đất này. Như vậy, từ khi chị M và anh Ph chưa mâu thuẫn thì anh Ph đã xây dựng nhà để vợ chồng ở thể hiện được ý chí của anh Ph nên cần phải xác định diện tích đất là tài sản chung. Do nhà, đất này anh Trần Văn Ph đang quản lý, sử dụng, chị M thống nhất giao cho anh Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng nên giao cho anh Trần Văn Ph được quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên thửa đất này. Anh Trần Văn Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch diện tích đất là $1.200.000 \text{ đồng/m}^2 \times 126\text{m}^2 : 2 = 75.600.000 \text{ đồng}$. Anh Trần Văn Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch căn nhà xây trên diện tích đất là $443.811.271 \text{ đồng} : 2 = 221.905.635 \text{ đồng}$.

[6] Xét ông Trần Văn Đ yêu cầu chị M, anh Ph trả lại thửa đất số 1731, diện tích 126m^2 , tờ bản đồ số 5, đất tại ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 157466 ngày 22/10/2013 cho hộ anh Trần Văn Ph, như phân tích tại [5], Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với hợp đồng thuê đất thuộc thửa đất số 578 giữa chị M, anh Ph với chị Thanh, anh Phương không có tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph đều khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 29, 33, 38, 40, 51, 53, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Huỳnh M.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh M được ly hôn với anh Trần Văn Ph.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị Thuý D, sinh ngày 09/12/2008 và Trần Thị Như Ng, sinh ngày 12/4/2014 cho chị Trương Thị Huỳnh M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu Duy, Ngọc). Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung:

Chị Trương Thị Huỳnh M được quyền sử dụng thửa đất số 578, diện tích 74m², loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 5 và 01 căn nhà cấp 04 trên đất, nhà đất tại ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận QSD đất số BH 432459 ngày 28/02/2012 cho anh Trần Văn Ph.

Buộc chị Trương Thị Huỳnh M phải thanh toán giá trị chênh lệch diện tích đất cho anh Trần Văn Ph là 44.400.000 đồng.

Buộc chị Trương Thị Huỳnh M phải thanh toán giá trị chênh lệch căn nhà trên diện tích đất cho anh Trần Văn Ph là 195.345.404 đồng.

Anh Trần Văn Ph được quyền sử dụng thửa đất số 1731, diện tích 126m², loại đất trồng cây lâu năm khác, tờ bản đồ số 5, đất tại ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay ấp C, xã LH, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 157466 ngày 22/10/2013 cho hộ anh Trần Văn Ph.

Buộc anh Trần Văn Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch diện tích đất cho chị Trương Thị Huỳnh M là 75.600.000 đồng.

Buộc anh Trần Văn Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch căn nhà xây trên diện tích đất cho chị Trương Thị Huỳnh M là 221.905.635 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí:

Buộc chị Trương Thị Huỳnh M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị M đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003189 ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú (nay Phòng thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Chị Trương Thị Huỳnh M đã nộp đủ án phí.

Buộc chị Trương Thị Huỳnh M phải chịu nộp án phí chia tài sản là 25.490.000 đồng nhưng được trừ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng chị M đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003190 ngày 12/5/2025 Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú (nay Phòng thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long) và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003352 ngày 26/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Trương Thị Huỳnh M còn phải nộp tiếp án phí số tiền là 20.190.000 đồng.

Buộc anh Trần Văn Ph phải chịu nộp án phí chia tài sản là 25.490.000 đồng.

Ông Trần Văn Đ được miễn nộp án phí.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin: Tổng số tiền là 1.500.200 đồng và đã chi xong nên buộc chị Trương Thị Huỳnh M và anh Trần Văn Ph mỗi người phải chịu số tiền 750.100 đồng. Do số tiền này chị Trương Thị Huỳnh M đã nộp tạm ứng trước nên Cơ quan thi hành án thu số 750.100 đồng của anh Trần Văn Ph để hoàn trả cho chị Trương Thị Huỳnh M.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13 - Vĩnh Long;
- UBND xã Long Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thia